BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 17/2014/TT-BTNMT

Hà Nội, ngày 21 tháng 4 năm 2014

THÔNG TƯ
Hướng dẫn việc xác định ranh giới, diện tích và xây dựng cơ sở dữ liệu đất trồng lúa

Căn cứ Luật đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết số 17/2011/QH13 ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Quốc hội về quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2011 - 2015) cấp quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý đất đai và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư hướng dẫn việc xác định ranh giới, diện tích và xây dựng cơ sở dữ liệu đất trồng lúa.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn việc xác định ranh giới, diện tích và xây dựng cơ sở dữ liệu đất trồng lúa, đất trồng lúa nước cần bảo vệ, đất chuyên trồng lúa nước cần bảo vệ nghiêm ngặt.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan quản lý nhà nước; cơ quan chuyên môn về tài nguyên và môi trường và các cơ quan khác có liên quan; công chức địa chính xã, phường, thị trấn.

2. Người sử dụng đất trồng lúa; tổ chức, cá nhân có liên quan đến sử dụng đất trồng lúa.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Ranh giới khu vực đất trồng lúa là đường ranh giới ngoài cùng của một hay nhiều thửa đất trồng lúa liền kề tạo thành một đường khép kín, trong đó gồm cả diện tích đất trồng lúa nước cần bảo vệ.

2. Ranh giới khu vực đất trồng lúa nước cần bảo vệ là đường ranh giới ngoài cùng của một hay nhiều thửa đất trồng lúa nước liền kề do quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của cấp trên trực tiếp phân bổ, trong đó gồm cả diện tích đất chuyên trồng lúa nước cần bảo vệ nghiêm ngặt.

3. Ranh giới khu vực đất chuyên trồng lúa nước cần bảo vệ nghiêm ngặt là đường ranh giới ngoài cùng của một hay nhiều thửa đất chuyên trồng lúa nước liền kề trong khu vực đất trồng lúa cần bảo vệ.

4. Cơ sở dữ liệu về đất trồng lúa là tập hợp các thông tin có cấu trúc dữ liệu về đất trồng lúa được sắp xếp, tổ chức để truy cập, khai thác, quản lý và cập nhật thường xuyên bằng phương tiện điện tử. Cơ sở dữ liệu về đất trồng lúa là cơ sở dữ liệu thành phần của cơ sở dữ liệu đất đai.

Chương II
XÁC ĐỊNH RANH GIỚI, DIỆN TÍCH ĐẤT TRỒNG LÚA

Điều 4. Nguyên tắc, yêu cầu và thành phần tham gia xác định ranh giới, diện tích đất trồng lúa

1. Việc xác định ranh giới, diện tích đất trồng lúa, đất trồng lúa nước cần bảo vệ và đất chuyên trồng lúa nước cần bảo vệ nghiêm ngặt được thực hiện trực tiếp tại xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là cấp xã); được tổng hợp thành cơ sở dữ liệu đất trồng lúa của quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi tắt là cấp huyện), của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là cấp tỉnh) và cả nước.

2. Đảm bảo phù hợp về vị trí và chỉ tiêu phân bổ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của cấp trên trực tiếp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Thành phần tham gia xác định ranh giới, diện tích đất trồng lúa gồm Sở Tài nguyên và Môi trường; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 5. Cơ sở để xác định ranh giới, diện tích đất trồng lúa

1. Cơ sở để xác định ranh giới, diện tích đất trồng lúa, đất trồng lúa nước cần bảo vệ và đất chuyên trồng lúa nước cần phải bảo vệ nghiêm ngặt, gồm:

a) Hồ sơ địa chính;

b) Số liệu thống kê, kiểm kê đất đai và bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

c) Báo cáo thuyết minh quy hoạch và bản đồ quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.

Trường hợp có báo cáo thuyết minh quy hoạch và bản đồ quy hoạch sử dụng đất cấp xã thì sử dụng báo cáo thuyết minh và bản đồ quy hoạch sử dụng đất của cấp xã và huyện;

d) Chỉ tiêu diện tích đất trồng lúa, đất chuyên trồng lúa nước do quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp trên trực tiếp phân bổ trong kỳ quy hoạch;

đ) Báo cáo thuyết minh và bản đồ quy hoạch xây dựng nông thôn mới (nếu có);

e) Báo cáo thuyết minh và bản đồ phân hạng đất trồng lúa (nếu có);

g) Báo cáo thuyết minh và bản đồ quy hoạch sử dụng đất trồng lúa (nếu có).

2. Bản đồ nền phục vụ xác định ranh giới, diện tích đất trồng lúa là bản đồ nền để xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã tỷ lệ 1:1.000 - 1:10.000.

Điều 6. Trình tự, nội dung và trách nhiệm xác định ranh giới, diện tích đất trồng lúa

1. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

a) Tổ chức thu thập các thông tin, tài liệu được quy định tại Điều 5 Thông tư này;

b) Trên cơ sở các thông tin, tài liệu đã được thu thập tại Điểm a Khoản 1 Điều này, tiến hành khoanh vẽ sơ bộ lên bản đồ nền ranh giới các khu vực đất trồng lúa, đất trồng lúa nước cần bảo vệ, đất chuyên trồng lúa nước cần bảo vệ nghiêm ngặt;

Trường hợp chưa có bản đồ quy hoạch sử dụng đất cấp xã thì việc khoanh vẽ sơ bộ ranh giới các khu vực đất trồng lúa, đất trồng lúa nước cần bảo vệ, đất chuyên trồng lúa nước cần bảo vệ nghiêm ngặt được thực hiện trên các tài liệu theo thứ tự ưu tiên sau: Bản đồ quy hoạch sử dụng đất của cấp huyện; Bản đồ quy hoạch xây dựng nông thôn mới; Bản đồ phân hạng đất trồng lúa; Bản đồ quy hoạch sử dụng đất trồng lúa.

c) Xác định ranh giới ngoài thực địa thực hiện như sau:

- Chỉnh lý, thống nhất ranh giới đất trồng lúa, đất trồng lúa cần bảo vệ và đất chuyên trồng lúa nước cần bảo vệ nghiêm ngặt trên bản đồ và thực địa. Trường hợp chưa đủ điều kiện, cơ sở để thống nhất ranh giới, diện tích đất trồng lúa, đất trồng lúa cần bảo vệ và đất chuyên trồng lúa nước cần bảo vệ nghiêm ngặt thì phải tiến hành đo đạc trực tiếp.

- Xác định tọa độ tại các điểm chuyển hướng đường ranh giới khu vực đất trồng lúa, đất trồng lúa nước cần bảo vệ và đất chuyên trồng lúa nước cần bảo vệ nghiêm ngặt.

d) Xác định và tổng hợp diện tích đất trồng lúa thực hiện như sau:

- Xác định diện tích cho từng khu vực đất trồng lúa, đất trồng lúa nước cần bảo vệ, đất chuyên trồng lúa nước cần bảo vệ nghiêm ngặt được thực hiện bằng phương pháp cộng diện tích từ các thửa đất trên bản đồ địa chính hoặc bản đồ giải thửa. Trong trường hợp một số thửa đất trồng lúa chưa được đo đạc và xác định trên bản đồ địa chính thì tiến hành đo đạc trực tiếp.

- Trên cơ sở kết quả xác định diện tích của các khu vực đất trồng lúa, đất trồng lúa nước cần bảo vệ và đất chuyên trồng lúa nước cần bảo vệ nghiêm ngặt, tiến hành tổng hợp diện tích đất trồng lúa, đất trồng lúa nước cần bảo vệ và đất chuyên trồng lúa nước cần bảo vệ nghiêm ngặt của xã, phường, thị trấn.

đ) Tổng hợp dữ liệu về ranh giới, diện tích đất trồng lúa thực hiện như sau:

Chuẩn hóa, biên tập và hoàn chỉnh bản đồ xác định ranh giới, diện tích đất trồng lúa. Bản đồ cần thể hiện ranh giới và tọa độ các điểm chuyển hướng đường ranh giới khu vực đất trồng lúa, đất trồng lúa nước cần bảo vệ và đất chuyên trồng lúa nước cần bảo vệ nghiêm ngặt. Các yếu tố, nội dung bản đồ xác định ranh giới, diện tích đất trồng lúa theo quy định tại Phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra, lập biên bản xác nhận kết quả xác định ranh giới, diện tích đất trồng lúa, đất trồng lúa nước cần bảo vệ và đất chuyên trồng lúa nước cần bảo vệ nghiêm ngặt (mẫu biên bản thực hiện theo quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này).

3. Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt kết quả xác định ranh giới, diện tích đất trồng lúa, đất trồng lúa nước cần bảo vệ và đất chuyên trồng lúa nước cần bảo vệ nghiêm ngặt (mẫu Tờ trình thực hiện theo quy định tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư này).

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt kết quả xác định ranh giới, diện tích đất trồng lúa, đất trồng lúa nước cần bảo vệ và đất chuyên trồng lúa nước cần bảo vệ nghiêm ngặt (mẫu Quyết định phê duyệt thực hiện theo quy định tại Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư này).

5. Trường hợp tổng diện tích đất trồng lúa được xác định không khớp với diện tích đất trồng lúa theo số liệu thống kê, kiểm kê và diện tích đất trồng lúa theo chỉ tiêu phân bổ của quy hoạch sử dụng đất cấp trên trực tiếp thì trước khi lập biên bản kiểm tra xác nhận kết quả, Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện để trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định trên cơ sở số liệu diện tích đất trồng lúa được xác định theo quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 6 Thông tư này.

Điều 7. Công khai kết quả xác định ranh giới, diện tích đất trồng lúa

1. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

a) Tổ chức cắm biển báo tại khu vực đất chuyên trồng lúa nước cần bảo vệ nghiêm ngặt. Mỗi khu vực đất chuyên trồng lúa nước cần bảo vệ nghiêm ngặt đặt 01 biển báo.

Mẫu biển báo thực hiện theo quy định tại Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư này, gồm các nội dung sau:

- Vị trí cắm biển báo: tại ven các khu vực đất chuyên trồng lúa nước cần bảo vệ nghiêm ngặt, tại vị trí thuận lợi về giao thông, dễ quan sát.

- Quy cách của biển báo, gồm: chất liệu là vật liệu bền; chiều cao cột dựng biển báo là 2m; kích thước bảng: 1m x 1m, trên bảng vẽ sơ đồ khu vực đất chuyên trồng lúa nước cần bảo vệ nghiêm ngặt, có vẽ các yếu tố thủy lợi, giao thông xung quanh;

- Yêu cầu thể hiện thông tin của biển báo, gồm: vị trí xứ đồng, xã, huyện; diện tích khu vực đất trồng lúa.

b) Công bố công khai bản đồ ranh giới diện tích đất trồng lúa, đất trồng lúa nước cần bảo vệ, đất chuyên trồng lúa nước cần bảo vệ nghiêm ngặt tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã trong suốt kỳ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

2. Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm công khai bản đồ ranh giới diện tích đất trồng lúa, đất trồng lúa nước cần bảo vệ, đất chuyên trồng lúa nước cần bảo vệ nghiêm ngặt của địa phương tại trụ sở làm việc.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm công bố công khai kết quả xác định ranh giới, diện tích đất trồng lúa, đất trồng lúa nước cần bảo vệ, đất chuyên trồng lúa nước cần bảo vệ nghiêm ngặt của địa phương trên trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 8. Quản lý hồ sơ ranh giới, diện tích đất trồng lúa

1. Hồ sơ ranh giới, diện tích đất trồng lúa gồm:

a) Bản đồ ranh giới, diện tích đất trồng lúa, đất trồng lúa nước cần bảo vệ và đất chuyên trồng lúa nước cần bảo vệ nghiêm ngặt;

b) Biên bản kiểm tra và xác nhận kết quả xác định ranh giới, diện tích đất trồng lúa, đất trồng lúa nước cần bảo vệ và đất chuyên trồng lúa nước cần bảo vệ nghiêm ngặt;

c) Quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện về kết quả xác định ranh giới, diện tích đất trồng lúa, đất trồng lúa nước cần bảo vệ và đất chuyên trồng lúa nước cần bảo vệ nghiêm ngặt của cấp xã.

2. Hồ sơ xác định ranh giới, diện tích đất trồng lúa được lưu tại Ủy ban nhân dân cấp xã 01 bộ (bản số và giấy); Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện 01 bộ (bản số); Sở Tài nguyên và Môi trường 01 bộ (bản số); Bộ Tài nguyên và Môi trường 01 bộ (bản số).

Chương III
XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU ĐẤT TRỒNG LÚA

Điều 9. Nguyên tắc, yêu cầu xây dựng cơ sở dữ liệu đất trồng lúa

1. Nguyên tắc, yêu cầu xây dựng cơ sở dữ liệu đất trồng lúa thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 04/2013/TT-BTNMT ngày 24 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai.

2. Trường hợp dữ liệu đất trồng lúa của các địa phương đã thành lập nhưng chưa phù hợp với các quy định tại Thông tư này thì phải tiến hành cập nhật, chuẩn hóa, chuyển đổi cho phù hợp.

Điều 10. Nội dung, cấu trúc và kiểu thông tin của dữ liệu đất trồng lúa

1. Nội dung dữ liệu đất trồng lúa:

Dữ liệu đất trồng lúa bao gồm các nhóm dữ liệu đã được quy định tại các Điểm a, b, d, đ, e, g, h, i Khoản 1 Điều 4 Thông tư số 17/2010/TT-BTNMT ngày 04 tháng 10 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về chuẩn dữ liệu địa chính (sau đây gọi là Thông tư số 17/2010/TT-BTNMT) và các nhóm dữ liệu sau:

a) Nhóm dữ liệu về quản lý, sử dụng đất trồng lúa gồm dữ liệu không gian và dữ liệu thuộc tính về ranh giới khu vực đất trồng lúa, ranh giới khu vực đất trồng lúa nước cần bảo vệ, ranh giới khu vực đất chuyên trồng lúa nước cần bảo vệ nghiêm ngặt; ranh giới khu vực đất trồng lúa chuyển mục đích sử dụng trong kỳ quy hoạch sử dụng đất;

b) Các dữ liệu khác liên quan đến đất trồng lúa (nếu có) như dữ liệu về điều tra, dữ liệu về chất lượng đất, tiềm năng đất đai, thoái hóa, ô nhiễm đất, phân hạng đất nông nghiệp.

2. Nội dung, cấu trúc và kiểu thông tin của dữ liệu đất trồng lúa được bổ sung các trường thông tin quy định tại Phụ lục số 06 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 11. Trách nhiệm xây dựng, quản lý, khai thác, sử dụng, cập nhật và kiểm tra việc cập nhật cơ sở dữ liệu đất trồng lúa

1. Trách nhiệm xây dựng, quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu về đất trồng lúa được thực hiện theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 04/2013/TT-BTNMT ngày 24 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai.

2. Quy định về cập nhật cơ sở dữ liệu về đất trồng lúa

a) Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất trực thuộc cơ quan tài nguyên và môi trường có trách nhiệm cập nhật dữ liệu đất trồng lúa khi có biến động theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

b) Thời hạn cập nhật dữ liệu đất trồng lúa khi có biến động là 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Quy định về kiểm tra việc cập nhật cơ sở dữ liệu đất trồng lúa

a) Hàng năm, Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm tổ chức kiểm tra định kỳ 06 tháng 01 lần việc xây dựng, cập nhật dữ liệu đất trồng lúa cấp tỉnh, cấp huyện và báo cáo Tổng cục Quản lý đất đai (gửi trước ngày 15 tháng 6 và ngày 15 tháng 12 hàng năm);

b) Tổng cục Quản lý đất đai thực hiện kiểm tra việc cập nhật cơ sở dữ liệu đất trồng lúa Quốc gia theo quy định.

Điều 12. Tổng hợp, đồng bộ hóa cơ sở dữ liệu đất trồng lúa

Việc tổng hợp, đồng bộ hóa cơ sở dữ liệu đất trồng lúa được thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 13 Thông tư số 17/2010/TT-BTNMT.

Điều 13. Quản lý cơ sở dữ liệu đất trồng lúa

1. Bảo đảm an toàn hệ thống thông tin đất trồng lúa

a) Trách nhiệm bảo đảm an toàn hệ thông tin đất trồng lúa thực hiện theo quy định tại các Điểm a, b, c Khoản 1 Điều 14 Thông tư số 17/2010/TT-BTNMT.

b) Sao lưu cơ sở dữ liệu đất trồng lúa

- Cơ sở dữ liệu đất trồng lúa phải được sao lưu vào các thiết bị nhớ để lưu theo định kỳ hàng tuần, hàng tháng, hàng năm để phòng trường hợp xảy ra sự cố vận hành dữ liệu, mất dữ liệu trong quá trình quản lý, sử dụng;

- Dữ liệu sao lưu hàng tuần phải được lưu giữ tối thiểu trong 03 tháng; sao lưu hàng tháng phải được lưu giữ tối thiểu trong 01 năm; sao lưu hàng năm phải được lưu giữ vĩnh viễn và sao lưu được lưu trữ ít nhất tại 02 địa điểm.

2. Quy định về chế độ bảo mật dữ liệu

Việc in, sao, chụp, vận chuyển, giao nhận, truyền dẫn, lưu trữ, bảo quản, cung cấp, khai thác dữ liệu và các hoạt động khác có liên quan đến dữ liệu đất trồng lúa thuộc phạm vi bí mật Nhà nước, bí mật cá nhân phải tuân theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu đất trồng lúa

1. Việc khai thác sử dụng cơ sở dữ liệu đất trồng lúa được thực hiện theo quy định tại Khoản 1, 3, 4, 5 và 6 Điều 15 Thông tư số 17/2010/TT-BTNMT.

2. Thông tin được cung cấp từ cơ sở dữ liệu đất trồng lúa dưới dạng giấy hoặc dạng số gồm các thông tin theo quy định tại Khoản 1 Điều 8 Thông tư này.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 15. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2014.

Điều 16. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý đất đai, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài nguyên và Môi trường để xem xét, quyết định./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Mạnh Hiển

Phụ lục số 01
Mẫu biên bản kiểm tra và xác nhận kết quả xác định ranh giới, diện tích đất trồng lúa, đất trồng lúa nước cần bảo vệ và đất chuyên trồng lúa nước cần bảo vệ nghiêm ngặt
(Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2014/TT-BTNMT ngày 21 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA VÀ XÁC NHẬN
KẾT QUẢ XÁC ĐỊNH RANH GIỚI, DIỆN TÍCH
Đất trồng lúa, đất trồng lúa nước cần bảo vệ, đất chuyên trồng lúa nước cần bảo vệ nghiêm ngặt

Tiến hành hồi.... giờ.. phút, ngày... tháng... năm…., tại.....

Chúng tôi gồm:

1. Đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã:

- Ông:……. Chức vụ:.....
- Ông:……..…. Chức vụ:.....

2. Đại diện Ủy ban nhân dân cấp huyện *(Phòng Tài nguyên và Môi trường)*:

Ông:……. Chức vụ:.....

Ông:..... Chức vụ:.....

3. Đại diện Sở Tài nguyên và Môi trường:

Ông:…….. Chức vụ:.....

Ông:…….. Chức vụ:.....

Sau khi kiểm tra, xem xét, các bên đã thống nhất lập biên bản kiểm tra và xác nhận kết quả xác định ranh giới, diện tích đất trồng lúa, đất trồng lúa nước cần bảo vệ, đất chuyên trồng lúa nước cần bảo vệ nghiêm ngặt như sau:

1. Thống nhất kết quả xác định ranh giới đất trồng lúa, đất trồng lúa nước cần bảo vệ, đất chuyên trồng lúa nước cần bảo vệ nghiêm ngặt và tọa độ các điểm chuyển hướng ranh giới được thể hiện trên bản đồ tỷ lệ... của xã...

2. Thống nhất kết quả xác định diện tích các khu vực đất trồng lúa, đất trồng lúa nước cần bảo vệ, đất chuyên trồng lúa nước cần bảo vệ nghiêm ngặt được thống kê theo bảng dưới đây:

TT	Khu vực (xứ đồng)	Mảnh bản đồ số	Từ thửa số... đến thửa số...	Diện tích đất trồng lúa *(ha)*					Ghi chú
				Tổng số	Diện tích đất trồng lúa cần bảo vệ			Diện tích đất trồng lúa được phép chuyển mục đích theo quy hoạch	
					Tổng số	Diện tích đất chuyên trồng lúa nước cần bảo vệ nghiêm ngặt	Diện tích đất trồng lúa nước cần bảo vệ còn lại		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(6)+(9)	(6)=(7)+(8)	(7)	(8)= (6)-(7)	(9)= (5)-(6)	(10)
1	…								
2									
…									
	CỘNG								

Biên bản kết thúc hồi.... giờ.... cùng ngày. Biên bản này được lập thành ba (03) bộ, mỗi bên giữ một (01) bộ./.

ĐẠI DIỆN SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(Ký tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN UBND CẤP HUYỆN
(Ký tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN UBND CẤP XÃ
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục số 02
Mẫu tờ trình đề nghị phê duyệt kết quả xác định ranh giới, diện tích đất trồng lúa, đất trồng lúa nước cần bảo vệ, đất chuyên trồng lúa nước cần bảo vệ nghiêm ngặt
(Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2014/TT-BTNMT ngày 21 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

UBND HUYỆN …	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
UBND XÃ….	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /TTr-UBND	*……, ngày tháng năm*

TỜ TRÌNH
Về việc đề nghị phê duyệt kết quả xác định ranh giới, diện tích đất trồng lúa, đất trồng lúa nước cần bảo vệ, đất chuyên trồng lúa nước cần bảo vệ nghiêm ngặt

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện...

Ủy ban nhân dân xã... kính trình Ủy ban nhân dân huyện... phê duyệt Kết quả xác định ranh giới, diện tích đất trồng lúa, đất trồng lúa nước cần bảo vệ, đất chuyên trồng lúa nước cần bảo vệ nghiêm ngặt với những nội dung chủ yếu sau đây:

1. Ranh giới đất trồng lúa, đất trồng lúa nước cần bảo vệ, đất chuyên trồng lúa nước cần bảo vệ nghiêm ngặt được thể hiện trên bản đồ ranh giới đất trồng lúa, đất trồng lúa nước cần bảo vệ, đất chuyên trồng lúa nước cần bảo vệ nghiêm ngặt tỷ lệ... đính kèm.

2. Diện tích đất trồng lúa:... ha.

Trong đó:

- Đất trồng lúa nước cần bảo vệ:... ha

- Đất chuyên trồng lúa nước cần bảo vệ nghiêm ngặt:... ha

Chi tiết diện tích từng khu vực đất trồng lúa, đất trồng lúa nước cần bảo vệ, đất chuyên trồng lúa nước cần bảo vệ nghiêm ngặt được thể hiện tại Phụ lục đính kèm.

Ủy ban nhân dân xã... kính đề nghị Ủy ban nhân dân huyện……. xem xét, phê duyệt./.

TM. UBND
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:
- Như trên;
- ….

Phụ lục
Bảng thống kê diện tích đất trồng lúa, đất trồng lúa nước cần bảo vệ, đất chuyên trồng lúa nước cần bảo vệ nghiêm ngặt

(Kèm theo Tờ trình số: /TTr-UBND ngày tháng năm của UBND xã...)

TT	Khu vực (xứ đồng)	Mảnh bản đồ số	Từ thửa số ... đến thửa số ...	Diện tích đất trồng lúa *(ha)*					Ghi chú
				Tổng số	Diện tích đất trồng lúa cần bảo vệ			Diện tích đất trồng lúa được phép chuyển mục đích theo quy hoạch	
					Tổng số	Diện tích đất chuyên trồng lúa nước cần bảo vệ nghiêm ngặt	Diện tích đất trồng lúa nước cần bảo vệ còn lại		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(6)+(9)	(6)=(7)+(8)	(7)	(8)=(6)-(7)	(9)=(5)-(6)	(10)
1	…								
2									
…									
	CỘNG								

Phụ lục số 03
Quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân huyện về kết quả xác định ranh giới diện tích đất trồng lúa, đất trồng lúa nước cần bảo vệ và đất chuyên trồng lúa nước cần bảo vệ nghiêm ngặt cấp xã
(Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2014/TT-BTNMT ngày 21 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

UBND HUYỆN …	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /QĐ-UBND	*……, ngày tháng năm*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt kết quả xác định ranh giới, diện tích đất trồng lúa, đất trồng lúa nước cần bảo vệ, đất chuyên trồng lúa nước cần bảo vệ nghiêm ngặt

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN...

Căn cứ...

Căn cứ Thông tư số.../2014/TT-BTNMT ngày... tháng... năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc xác định ranh giới, diện tích và xây dựng cơ sở dữ liệu đất trồng lúa;

Căn cứ Tờ trình số.../TTr-UBND ngày... tháng... năm... của Ủy ban nhân dân xã... về việc đề nghị phê duyệt kết quả xác định ranh giới, diện tích đất trồng lúa, đất trồng lúa nước cần bảo vệ, đất chuyên trồng lúa nước cần bảo vệ nghiêm ngặt của xã...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả xác định ranh giới, diện tích đất trồng lúa, đất trồng lúa nước cần bảo vệ, đất chuyên trồng lúa nước cần bảo vệ nghiêm ngặt của xã... với những nội dung chủ yếu sau đây:

1. Ranh giới đất trồng lúa, đất trồng lúa nước cần bảo vệ, đất chuyên trồng lúa nước cần bảo vệ nghiêm ngặt được thể hiện trên bản đồ ranh giới đất trồng lúa, đất trồng lúa nước cần bảo vệ, đất chuyên trồng lúa nước cần bảo vệ nghiêm ngặt tỷ lệ... đính kèm.

2. Diện tích đất trồng lúa:... ha.

Trong đó:

- Đất trồng lúa nước cần bảo vệ:... ha

- Đất chuyên trồng lúa nước cần bảo vệ nghiêm ngặt:... ha

Chi tiết diện tích từng khu vực đất trồng lúa, đất trồng lúa nước cần bảo vệ, đất chuyên trồng lúa nước cần bảo vệ nghiêm ngặt được thể hiện tại Phụ lục đính kèm.

Điều 2. Các Ông/Bà: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã…, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện... và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Ủy ban nhân dân huyện... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:
- Như trên;
- ….

Phụ lục
Bảng thống kê diện tích đất trồng lúa, đất trồng lúa nước cần bảo vệ, đất chuyên trồng lúa nước cần bảo vệ nghiêm ngặt xã...

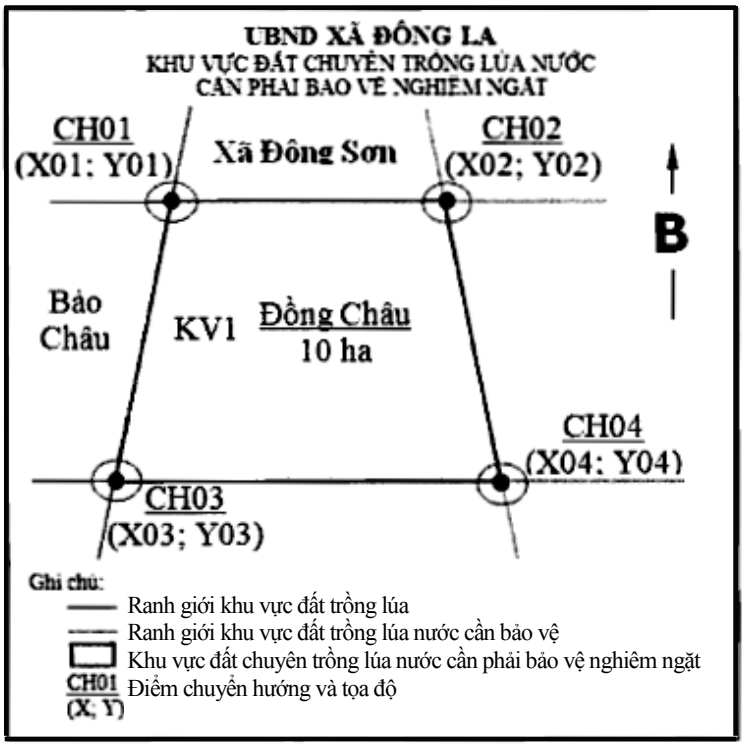
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm của UBND huyện...)

TT	Khu vực (xứ đồng)	Mảnh bản đồ số	Từ thửa số ... đến thửa số ...	Diện tích đất trồng lúa *(ha)*					Ghi chú
				Tổng số	Diện tích đất trồng lúa cần bảo vệ			Diện tích đất trồng lúa được phép chuyển mục đích theo quy hoạch	
					Tổng số	Diện tích đất chuyên trồng lúa nước cần bảo vệ nghiêm ngặt	Diện tích đất trồng lúa nước cần bảo vệ còn lại		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(6)+(9)	(6)=(7)+(8)	(7)	(8)=(6)-(7)	(9)=(5)-(6)	(10)
1	…								
2									
…									
	CỘNG								

Phụ lục số 04

Mẫu biển báo khu vực đất chuyên trồng lúa nước cần bảo vệ nghiêm ngặt

(Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2014/TT-BTNMT ngày 21 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)



Phụ lục số 05

Quy định về bản đồ xác định ranh giới, diện tích đất trồng lúa

(Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2014/TT-BTNMT ngày 21 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

1. Các yếu tố nội dung bản đồ ranh giới diện tích đất trồng lúa, đất trồng lúa nước cần bảo vệ và đất chuyên trồng lúa nước cần bảo vệ nghiêm ngặt, gồm:

a) Các yếu tố nội dung nền địa lý tuân thủ theo các quy định trong Quy chuẩn thông tin địa lý do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành;

b) Các yếu tố nội dung ranh giới, diện tích đất trồng lúa.

2. Các yếu tố nội dung trên bản đồ ranh giới diện tích đất trồng lúa, đất trồng lúa nước cần bảo vệ và đất chuyên trồng lúa nước cần bảo vệ nghiêm ngặt được thể hiện:

a) Ký hiệu

- Ký hiệu màu:

+ "Khu vực đất trồng lúa được phép chuyển mục đích theo quy hoạch" được thể hiện bằng màu vàng da cam (Thông số màu là 11 (Red 255, Green 240 và Blue 180) trên phần mềm Microstation).

+ "Khu vực đất trồng lúa cần bảo vệ còn lại" được thể hiện bằng màu vàng lá mạ (Thông số màu là 28 (Red 233, Green 255 và Blue 33) trên phần mềm Microstation).

+ "Khu vực đất trồng lúa cần bảo vệ nghiêm ngặt" được thể hiện bằng màu vàng chanh (Thông số màu là 5 (Red 255, Green 255 và Blue 100) trên phần mềm Microstation).

- Ký hiệu ranh giới:

+ Ranh giới "khu vực đất trồng lúa": được thể hiện bằng nét liền màu đen, lực nét là 0,5mm;

+ Ranh giới "khu vực đất trồng lúa nước cần bảo vệ": được thể hiện bằng nét liền màu xanh (nước biển), lực nét 1mm;

+ Ranh giới "khu vực đất chuyên trồng lúa nước cần bảo vệ nghiêm ngặt": được thể hiện bằng nét liền màu đỏ, lực nét 1mm;

+ Trường hợp có sự trùng nhau về ranh giới giữa các khu vực đất trồng lúa theo mức độ bảo vệ thì thể hiện theo thứ tự ưu tiên như sau: đỏ - xanh - đen.

- Ký hiệu các điểm chuyển hướng đường ranh giới đất trồng lúa cần bảo vệ nghiêm ngặt (theo sơ họa tại Mục 1 Phụ lục số 01).

- Ký hiệu khác: mỗi một khu vực đất trồng lúa theo mức độ bảo vệ cần thể hiện về địa danh (xứ đồng), diện tích (ha).

Ví dụ:

$$\frac{\text{Đồng Châu,…}}{\text{10ha}}$$

b) Các yếu tố nền: theo quy định của Quy phạm thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất.

3. Xác nhận và phê duyệt Bản đồ ranh giới diện tích đất trồng lúa, đất trồng lúa nước cần bảo vệ và đất chuyên trồng lúa nước cần bảo vệ nghiêm ngặt:

Bản đồ ranh giới diện tích đất trồng lúa, đất trồng lúa nước cần bảo vệ và đất chuyên trồng lúa nước cần bảo vệ nghiêm ngặt cấp xã do Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã ký tên, đóng dấu và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ký duyệt.

Phụ lục số 06
Nội dung, cấu trúc và kiểu thông tin của dữ liệu đất trồng lúa

(Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2014/TT-BTNMT ngày 21 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Mã thông tin	Phân cấp thông tin		Ký hiệu trường thông tin	Kiểu giá trị		Độ dài trường	Mô tả
	Đối tượng thông tin	Trường thông tin		Tiếng Việt	Tiếng Anh		
TD.1.1	**Thửa đất**						
		Đất trồng lúa nước cần bảo vệ	baoVe	Đúng/Sai	Boolean	1	
		Đất chuyên trồng lúa nước cần bảo vệ nghiêm ngặt	Bao Ve Nghiem Ngat	Đúng/Sai	Boolean	1	